

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 5 năm 2020

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Trọng Tâm

Bà Trần Thị Mỹ Hương

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2020 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Châu T D, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

*Bị đơn:* Anh Trần T Đ, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Nguyên đơn Chị Châu T D trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần T Đ chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cự cãi, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Trần T K, sinh ngày 06/8/2018, con chung đang sống cùng với anh Đ. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

**Bị đơn anh Trần T Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời điểm kết hôn, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng, vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung như chị D trình bày là đúng, con chung hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con, chị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng thì anh đồng ý.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Chị Châu T D và anh Trần T Đ chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2017, có tổ chức đám cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh Đ là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định pháp luật. Nay chị D và anh Đ thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên Tòa án không công nhận chị D và anh Đ là vợ chồng.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Trần T K, sinh ngày 06/8/2018, con chung đang sống cùng với anh Đ. Khi ly hôn, chị D và anh Đ thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo được quyền lợi của con chung nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Đ xác định không có.

[4] Về án phí: Chị D phải chịu hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, 15, 58, 107 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Châu T D và anh Trần T Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần T K, sinh ngày 06/8/2018 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 13/5/2020.

*Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh Đ xác định không có.

4. Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Ngày 01/4/2020 chị D có dự nộp 300.000 đồng theo lai số 0001606 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu, đối trừ. Chị D còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, chị D và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**